

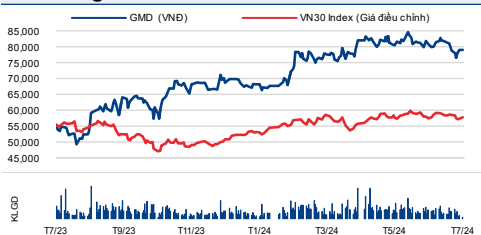
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ91,300
Tiềm năng tăng/giảm: 15.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2024)	79,000
Mã Bloomberg	GMD VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	49,292-84,623
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	79,000
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	23,809
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	942
Slg CP lưu hành (tr.đv)	301
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	148
Slg CP NN được mua (tr.đv)	4.00
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	47.7%
Tỷ lệ freefloat	87.3%
Cổ đông lớn	SSJ Consulting (9.85%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	3,846	4,156	4,694
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,767	2,177	2,546
LNTT (tỷ đồng)	3,144	2,026	2,139
LNT ĐC (tỷ đồng)	2,158	1,249	1,330
FCF (tỷ đồng)	(1,156)	388	(1,074)
EPS ĐC (đồng)	7,126	4,022	4,284
DPS (đồng)	2,551	2,933	2,667
BVPS (đồng)	27,975	39,278	41,049
T.trưởng EBITDA (%)	(4.16)	23.2	16.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	122	(40.4)	6.51
Tăng trưởng DPS (%)	79.6	15.0	(9.09)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	52.4	54.2
Tỷ suất LNTT (%)	81.7	48.8	45.6
Tỷ suất LNT ĐC (%)	57.8	32.7	30.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	34.8	67.1	57.3
Nợ thuần/VCSH (%)	5.78	(16.3)	(0.63)
ROAE (%)	28.7	13.1	11.6
ROACE (%)	10.3	8.51	8.19
EV/doanh thu (lần)	6.62	5.66	5.42
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.4	10.8	10.00
P/E ĐC (lần)	11.1	19.6	18.4
P/B (lần)	2.82	2.01	1.92
Lợi suất cổ tức (%)	3.23	3.71	3.38

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GMD là doanh nghiệp cảng biển tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với hệ thống cảng trải dài trên toàn quốc và hệ thống logistics tích hợp.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2024: LNTT từ HĐKD cốt lõi tăng 57% so với cùng kỳ, vượt dự báo 17%

- LNTT và doanh thu thuần của GMD trong Q2/2024 đạt lần lượt 511 tỷ đồng (giảm 77% so với cùng kỳ) và 1,2 nghìn tỷ đồng (tăng 29% so với cùng kỳ). Nếu loại trừ các khoản mục không thường xuyên, LNTT từ HĐKD cốt lõi tăng mạnh 57% so với cùng kỳ đạt 511 tỷ đồng, vượt 17% so với dự báo của HSC ở mức 435 tỷ đồng.
- LNTT từ HĐKD cốt lõi mạnh mẽ được thúc đẩy bởi sản lượng hàng hóa qua cảng cao hơn và sự tăng trưởng đáng kể về lợi nhuận từ các công ty liên doanh & liên kết, đặc biệt là từ cảng nước sâu Gemalink (GIL; GMD sở hữu 65% cổ phần).
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 91.300đ (tiềm năng tăng giá 16%) và giữ nguyên các dự báo.

Sự kiện: Công bố BCTC Q2/2024

Doanh thu thuần Q2/2024 của GMD tăng 29% so với cùng kỳ đạt 1,2 nghìn tỷ đồng trong khi LNTT đạt 511 tỷ đồng, giảm 77% so với cùng kỳ. Nếu không tính đến khoản lợi nhuận không thường xuyên 1,8 nghìn tỷ đồng từ thoái vốn cảng Nam Hải Đình Vũ trong Q2/2023, LNTT từ HĐKD cốt lõi Q2/2024 tăng mạnh 57% so với cùng kỳ đạt 511 tỷ đồng (tăng 37% so với quý trước).

Doanh thu thuần sát với dự báo của HSC trong khi LNTT từ HĐKD cốt lõi vượt dự báo 17%, nhờ lợi nhuận từ công ty liên doanh & liên kết tốt hơn dự kiến, đạt 183 tỷ đồng (tăng 216% so với cùng kỳ), vượt so với dự báo của chúng tôi ở mức 150 tỷ đồng, do tác động tích cực từ tình trạng tắc nghẽn cảng Singapore giúp làm tăng lợi nhuận của GIL.

Tính chung nửa đầu năm 2024, LNTT đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (giảm 51% so với cùng kỳ) nhưng LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 884 tỷ đồng (tăng 40% so với cùng kỳ), đạt lần lượt 61% và 53% dự báo cho cả năm 2024 của HSC.

Doanh thu thuần tăng trưởng nhờ sản lượng hàng hóa qua cảng tăng mạnh

Doanh thu thuần Q2/2024 tăng 29% so với cùng kỳ nhờ doanh thu mảng cảng tăng mạnh trong khi doanh thu mảng logistic giảm so với cùng kỳ:

- Doanh thu mảng cảng đạt 985 tỷ đồng (tăng 44% so với cùng kỳ và 17% so với quý trước) nhờ sản lượng hàng hóa qua cảng phục hồi theo nhu cầu thị trường. GMD chưa công bố dữ liệu sản lượng Q2/2024 nhưng HSC ước tính – với sự hỗ trợ của dữ liệu từ Hiệp hội Cảng biển Việt Nam (VPA) – sản lượng container qua các cảng của GMD ở Hải Phòng và Hồ Chí Minh tăng lần lượt 17% và 60% so với cùng kỳ, đạt 304.546 TEU và 330.000 TEU.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024, GMD

LNTT Q2/2024 giảm 77% so với cùng kỳ nhưng LNTT cốt lõi tăng mạnh 57% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q2/2024	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	6T2024	% so với cùng kỳ
Doanh thu thuần	1,181	29%	17%	2,187	21%
LNTT	511	-77%	-28%	1,219	-51%
LNTT cốt lõi	511	57%	37%	884	40%
Lợi nhuận thuần	303	-82%	(0)	863	-53%

Nguồn: GMD

- Doanh thu mảng logistic giảm 15% so với cùng kỳ xuống 196 tỷ đồng (tăng 20% so với quý trước) do các hợp đồng cho thuê tàu của GMD hết hạn, các tàu này sau đó được sử dụng cho các tuyến nội địa có doanh thu thấp hơn.

Trong khi đó, lợi nhuận gộp Q2/2024 đạt 542 tỷ đồng (tăng 26% so với cùng kỳ và 23% so với quý trước) nhờ doanh thu tốt hơn như đã đề cập ở trên. Chi phí bán hàng & quản lý đạt 176 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ và 35% so với quý trước) và tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu không đổi so với cùng kỳ, ở mức 17%.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh & liên kết tăng mạnh

Trong Q2/2024, GMD ghi nhận 183 tỷ đồng lợi nhuận từ công ty liên doanh & liên kết so với chỉ 58 tỷ đồng của cùng kỳ năm ngoái. Điều này được thúc đẩy bởi sự phục hồi của GIL và lợi nhuận mạnh mẽ từ CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn SCS (Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 96.000đ, GMD sở hữu 36,24% cổ phần). Cụ thể như sau:

- Lưu ý, mặc dù sở hữu 65% cổ phần cảng GIL nhưng GMD vẫn ghi nhận cảng này là công ty liên kết theo điều lệ của GIL. Trong Q2/2024, GMD đã ghi nhận 107 tỷ đồng lợi nhuận từ GIL, so với khoản lỗ 11 tỷ đồng trong Q2/2023, chủ yếu nhờ sản lượng hàng hóa qua cảng này tăng mạnh.
- GIL đã xử lý 453.000 TEU hàng hóa trong Q1/2024, tăng 90% so với cùng kỳ, nhờ nhu cầu phục hồi và các tuyến dịch vụ mới được tiếp nhận từ Q4/2023, cũng như hưởng lợi từ tình trạng tắc nghẽn cảng Singapore. Do cảng Singapore bị tắc nghẽn trong Q2/2024 do tác động của cuộc khủng hoảng ở Biển Đỏ, nhiều hãng tàu đã chuyển hướng tàu đến các cảng lân cận để tránh tắc nghẽn. Nhờ đó, GIL đã tiếp nhận được nhiều tàu mới, giúp đẩy mạnh sản lượng hàng hóa qua cảng trong Q2/2024.
- Ngoài ra, lợi nhuận thuần Q2/2024 của SCS cũng tăng mạnh 47% so với cùng kỳ đạt 189 tỷ đồng nhờ nhu cầu phục hồi và sự đóng góp của khách hàng mới từ 8/2/2024. Nhờ đó, SCS tạo ra khoản lợi nhuận 69 tỷ đồng cho GMD.

Trong nửa đầu năm 2024, GMD ghi nhận 280 tỷ đồng lợi nhuận từ công ty liên doanh & liên kết (tăng 254% so với cùng kỳ), bao gồm 123 tỷ đồng từ SCS (tăng 39% so với cùng kỳ) và 155 tỷ đồng từ GIL (so với mức lỗ 49 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2023). Trong nửa đầu năm 2024, sản lượng hàng hóa qua cảng GIL tăng mạnh 98% so với cùng kỳ đạt 805.000 TEU. Thị phần của GIL tại khu vực Cái Mép Thị Vải cũng mở rộng lên mức 27,1% so với 18,8% trong nửa đầu năm 2023 do GIL có được lợi thế cạnh tranh hơn các cảng khác trong khu vực này.

Duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu là 91.300đ (tiềm năng tăng giá 16%). Sau khi giá cổ phiếu giảm nhẹ trong 1 tháng & 3 tháng qua, GMD đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 19,2 lần, hơi cao hơn so với bình quân 3 năm ở mức 18,5 lần nhưng với triển vọng khả quan, GMD xứng đáng được định giá lại ở mặt bằng cao hơn.

HSC cũng giữ nguyên dự báo như sau:

- Cho năm 2024, doanh thu thuần và LNTT từ HĐKD cốt lõi dự báo đạt lần lượt 4,2 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 8%) và 1,7 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 29,6%). Lưu ý, LNTT năm 2024 dự báo giảm 36% so với cùng kỳ xuống 2,0 nghìn tỷ đồng do không còn khoản lợi nhuận 1,8 nghìn tỷ đồng thoái vốn cảng Nam Hải Đình Vũ của cùng kỳ năm ngoái.
- HSC lưu ý một lần nữa là KQKD Q2/2024 cao hơn dự báo của chúng tôi nhờ lợi nhuận từ GIL tốt hơn mong đợi, sau tác động của tình trạng tắc nghẽn cảng Singapore. Tuy nhiên, tình trạng tắc nghẽn tại cảng này gần đây đã giảm bớt và lợi ích từ tình huống này đối với GIL có thể sẽ giảm dần trong những tháng tới.

- Cho năm 2025-2026, LNTT từ HĐKD cốt lõi dự báo tăng trưởng lần lượt 27% và 12%. Động lực tăng trưởng lợi nhuận chính là các dự án đầu tư mới, bao gồm Nam Đình Vũ giai đoạn 3 và GIL giai đoạn 2A, dự kiến bắt đầu đi vào hoạt động từ cuối năm 2025.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu & lợi nhuận gộp, GMD

Mảng cảng là động lực tăng trưởng của doanh thu thuần trong Q2/2024

Tỷ đồng	Q2/2024	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	6 tháng đầu năm 2024	% so với cùng kỳ
Doanh thu	1,181	29%	17%	2,187	20.5%
Mảng cảng	985	44%	17%	1,828	36.6%
Mảng logistic	196	-15%	20%	358	-24.7%
Lợi nhuận gộp	542	26%	23%	983	25.8%
Mảng cảng	440	35%	21%	804	39.9%
Mảng logistic	102	-4%	32%	179	-20.1%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	45.9%	-1.3 điểm %	+2.0 điểm %	45.0%	-2.3 điểm %
Mảng cảng	44.7%	-2.9 điểm %	+1.5 điểm %	44.0%	-1.3 điểm %
Mảng logistic	52.1%	+5.9 điểm %	+4.8 điểm %	49.9%	-2.9 điểm %

Nguồn: GMD

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	3,898	3,846	4,156	4,694	5,353
Lợi nhuận gộp	1,718	1,776	1,926	2,229	2,459
Chi phí BH&QL	(667)	(660)	(735)	(830)	(946)
Thu nhập khác	(30.6)	(69.0)	(58.1)	(65.6)	(74.9)
Chi phí khác	30.3	53.1	57.4	64.8	73.9
EBIT	1,051	1,100	1,190	1,398	1,512
Lãi vay thuần	(142)	1,772	264	7.57	0.52
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	399	272	572	733	886
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	1,308	3,144	2,026	2,139	2,398
Chi phí thuế TNDN	(147)	(642)	(246)	(309)	(333)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(167)	(280)	(423)	(384)	(413)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	994	2,222	1,357	1,446	1,653
Lợi nhuận thuần ĐC	914	2,158	1,249	1,330	1,521
EBITDA ĐC	1,843	1,767	2,177	2,546	2,954
EPS (đồng)	3,298	7,335	4,371	4,656	5,323
EPS ĐC (đồng)	3,034	7,126	4,022	4,284	4,897
DPS (đồng)	1,421	2,551	2,933	2,667	2,667
Slg CP bình quân (triệu đv)	301	303	310	310	310
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	301	306	310	310	310
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	301	306	310	310	310

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	1,364	1,474	4,851	3,749	4,607
Đầu tư ngắn hạn	82.2	356	386	434	493
Phải thu khách hàng	868	1,212	1,095	1,238	1,415
Hàng tồn kho	82.5	68.2	73.7	83.2	94.9
Các tài sản ngắn hạn khác	222	290	314	354	404
Tổng tài sản ngắn hạn	2,619	3,401	6,719	5,860	7,014
TSCĐ hữu hình	2,956	3,894	3,769	6,154	5,598
TSCĐ vô hình	262	258	250	242	233
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	2,830	1,799	1,809	1,826	1,843
Đầu tư vào Cty LD,LK	3,026	3,083	4,783	4,783	4,783
Tài sản dài hạn khác	1,339	1,107	1,204	1,360	1,550
Tổng tài sản dài hạn	10,412	10,141	11,815	14,365	14,006
Tổng cộng tài sản	13,031	13,542	18,535	20,224	21,020
Nợ ngắn hạn	543	446	482	544	620
Phả trả người bán	838	508	623	704	803
Nợ ngắn hạn khác	1,737	901	974	1,100	1,255
Tổng nợ ngắn hạn	3,211	1,936	2,167	2,447	2,791
Nợ dài hạn	1,486	1,518	2,382	3,119	2,681
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	386	381	412	465	530
Tổng nợ dài hạn	1,872	1,899	2,793	3,584	3,211
Tổng nợ phải trả	5,083	3,836	4,960	6,031	6,002
Vốn chủ sở hữu	6,926	8,558	12,195	12,745	13,498
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,022	1,149	1,379	1,448	1,520
Tổng vốn chủ sở hữu	7,948	9,707	13,574	14,193	15,018
Tổng nợ phải trả và VCSH	13,031	13,542	18,535	20,224	21,020
BVPS (đ)	22,981	27,975	39,278	41,049	43,473
Nợ thuần/(tiền mặt)	665	490	(1,987)	(85.8)	(1,306)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	1,051	1,100	1,190	1,398	1,512
Khấu hao	(393)	(395)	(415)	(415)	(556)
Lãi vay thuần	(142)	1,772	264	7.57	0.52
Thuế TNDN đã nộp	(147)	(625)	(246)	(309)	(333)
Thay đổi vốn lưu động	1,077	(836)	(10.2)	(367)	(475)
Khác	(432)	(2,268)	5.00	7.27	8.91
LCT thuần từ HĐKD	2,299	(88.2)	734	1,793	2,126
Đầu tư TS dài hạn	(1,366)	(1,068)	(346)	(2,866)	(77.9)
Góp vốn & đầu tư	88.0	(803)	0	0	0
Thanh lý	4.40	2,447	0	0	0
Khác	38.5	437	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(1,235)	1,013	(346)	(2,866)	(77.9)
Cổ tức trả cho CSH	(428)	(780)	(911)	(828)	(828)
Thu từ phát hành CP	0	45.2	3,000	0	0
Tăng/giảm nợ	132	(45.3)	900	800	(362)
Khác	(41.4)	(35.4)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(338)	(816)	2,989	(28.0)	(1,190)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	637	1,364	1,474	4,851	3,749
LCT thuần trong kỳ	727	109	3,377	(1,102)	858
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.06	0.49	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,364	1,474	4,851	3,749	4,607
Dòng tiền tự do	934	(1,156)	388	(1,074)	2,048

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	44.1	46.2	46.3	47.5	45.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	47.3	45.9	52.4	54.2	55.2
Tỷ suất LNT (%)	25.5	57.8	32.7	30.8	30.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	11.2	20.4	12.1	14.5	13.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	21.6	(1.34)	8.07	12.9	14.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	47.0	(4.16)	23.2	16.9	16.0
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	62.4	136	(42.1)	6.51	14.3
Tăng trưởng EPS (%)	62.4	122	(40.4)	6.51	14.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	62.4	135	(43.6)	6.51	14.3
Tăng trưởng DPS (%)	0.45	79.6	15.0	(9.09)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	43.1	34.8	67.1	57.3	50.1
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	15.0	28.7	13.1	11.6	12.6
ROACE (%)	11.5	10.3	8.51	8.19	8.40
Vòng quay tài sản (lần)	0.33	0.29	0.26	0.24	0.26
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	2.19	(0.08)	0.62	1.28	1.41
Số ngày tồn kho	13.8	12.0	12.1	12.3	12.0
Số ngày phải thu	145	214	179	183	178
Số ngày phải trả	140	89.6	102	104	101
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	9.62	5.78	(16.3)	(0.63)	(9.62)
Nợ/tài sản (%)	15.6	14.5	15.5	18.1	15.7
EBIT/lãi vay (lần)	7.42	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.41	1.32	1.79	2.02	1.60
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.82	1.76	3.10	2.39	2.51
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	6.52	6.62	5.66	5.42	4.53
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.8	14.4	10.8	10.00	8.21
P/E (lần)	24.0	10.8	18.1	17.0	14.8
P/E ĐC (lần)	26.0	11.1	19.6	18.4	16.1
P/B (lần)	3.44	2.82	2.01	1.92	1.82
Lợi suất cổ tức (%)	1.80	3.23	3.71	3.38	3.38

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn